

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 286/2021/HS-PT

Ngày 12/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyên;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn;
Ông Nguyễn Huyền Cường;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Biều - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 790/2020/TLPT-HS ngày 28 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo Vàng A T do có kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Hồ A L và anh Vàng A P đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2020/HS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Bị cáo bị kháng cáo: Vàng A T, sinh năm 1988, tại huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vàng A C, sinh năm 1964 và bà Lý Thị M, sinh năm 1969; Có vợ là Sùng Thị S, sinh năm 1996 và 01 con, sinh năm 2013; Tiền án: Không, Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2018 đến ngày 01/12/2018 tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ cho đến nay; có mặt.

- Người bị hại: Hồ Thị T1, sinh năm 1993 (Đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của người bị hại Hồ Thị T1 có kháng cáo:

1. Anh Vàng A P, sinh năm 1991; Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên; có mặt.

2. Ông Hồ A L (tên gọi khác: Hồ C), sinh năm 1973; Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Vàng A T:

+ Luật sư Phùng Việt H, Văn phòng L5, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ. Có mặt.

+ Luật sư Bùi Đình M1, trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Vàng A P, ông Hờ A L:*
Luật sư Nguyễn Thị Minh C1, Luật sư Nguyễn Công T2, Luật sư Lê Quang V – Văn phòng L6 và cộng sự, Đoàn Luật sư thành phố H. Đều có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Vàng A P1, sinh năm 1965; Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. Ông Vàng A L1, sinh năm 1990; Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

3. Bà Vừ Thị S1, sinh năm 1974; Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

4. Ông Vàng A C, sinh năm 1964; Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

5. Bà Sùng Thị S, sinh năm 1996; Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

6. Ông Vàng A L2 (tên gọi khác: Vàng Hạ L3), sinh năm 1988; Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

7. Ông Vàng A S2, sinh năm 1991; Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên. Có mặt. 8. Bà Giàng Thị S3, sinh năm 1991; Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Sinh Thị K, sinh năm 1989; Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

2. Bà Hờ Thị C2, sinh năm 1990; Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

3. Bà Sùng Thị L4, sinh năm 1992; Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

4. Bà Vàng Thị P2, sinh năm 1985; Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

5. Ông Vàng A N (tên gọi khác: Vàng S), sinh năm 1985; Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

6. Bà Vừ Thị I, sinh năm 1996; Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

7. Ông Sùng A S4, sinh năm 1989; Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- *Những người tham gia tố tụng khác:*

1. Ông Bùi Mạnh H1, Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ. Vắng mặt.

2. Ông Phạm Ngọc T3, Cán bộ phòng K3 Công an tỉnh Đ. Có mặt.

3. Ông Nguyễn Quang V1, Giám định viên pháp y, phòng K3 Công an tỉnh Đ. Vắng mặt.

4. Ông Hồ A T4 và ông Nguyễn Minh K1, Điều tra viên – Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

5. Bà Lý Thị M, sinh năm 1969; Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Mông:* Anh Sùng A C3, sinh năm 2000. Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 16/11/2018, Vàng A T đi bộ từ nhà lên khu vực nương sản thuộc bản H, xã N, huyện M để tìm lợn của gia đình thì gặp chị Hồ Thị T1 là người cùng bản đang đứng ở cạnh đường, trên tay cầm 01 chiếc ủng màu xanh. T đứng lại nói chuyện và muốn quan hệ tình dục với chị T1, nhưng chị T1 không đồng ý. T nói là sẽ bắt chị T1 để quan hệ nên chị T1 chạy rất nhanh xuống khe suối ông K2, vừa chạy vừa la hét, T lập tức đuổi theo. Khi qua cống khoảng 12m thì chị T1 chạy về phía tà luy âm của đường và bị trượt xuống khe suối ông K2 thuộc bản Huổi Lóng. T vẫn đuổi theo nên chị T1 tiếp tục chạy theo đường duy nhất dọc theo khe suối ra phía thác đá cao khoảng 9m, trơn trượt. Khi đang đuổi theo thì T nghe thấy tiếng rơi như bao tải từ trên cao xuống, T đi đến đỉnh thác ngó xuống thì thấy chị T1 nằm úp mặt xuống và rên hai tiếng rồi thôi. Tỉnh không xuống kiểm tra mà bỏ đi tìm đàn lợn của gia đình. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T giả vờ mang chai đi quăng rồi quay lại vị trí chị T1 ngã, vẫn thấy chị T1 nằm nguyên vị trí cũ, người đã chết cứng, lạnh. Tỉnh cũng xác chị T1 xuống sông N giấu, dùng tóc chị T1 buộc vào cây sậy, lấy một cây sậy buộc vào thắt lưng của chị T1 rồi đi về. Ngày 22/11/2018, Vàng A T đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đầu thú.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 67/GĐ-PC09 ngày 04/12/2018, Phòng K3 Công an tỉnh Đ kết luận:

- Nguyên nhân chết: Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến chết nghĩ nhiều đến chết do ngạt cơ học.

- Thời gian chết: Hồ Thị T1 đã chết trên 72 giờ.

- Cơ chế hình thành vết thương:

+ Tồn thương da cơ vùng trán do vật cứng va đập với vùng trán với lực mạnh gây nên.

+ Tồn thương da cơ vùng hai mi mắt do vật cứng có cạnh va đập nhẹ với vùng hai mi mắt gây nên.

+ Các vết bầm tím, tụ máu ở: Cổ, cánh và cẳng tay phải, mặt sau cẳng tay trái và vùng lưng trên tử thi do va đập nhẹ với các vùng này gây nên.

Tại Bản kết luận giám định số 6525 + 6639/C09(TT3) ngày 28/11/2018, V2 Bộ C4 kết luận:

- Các sợi màu đen thu trên chiếc ủng và cây gậy tại hiện trường là tóc người. Không phân tích được kiểu gen do chất lượng mẫu kém.

- Trong mẫu ghi dịch âm đạo và dịch trong tử cung thu của Hồ Thị T1 không phát hiện thấy tinh trùng người.

- Trên mẫu móng tay ghi thu của Hồ Thị T1 có tế bào của một người nữ giới, không đủ cơ sở để kết luận là của ai.

- Trên chiếc áo sơ mi màu xanh, chiếc quần màu đen, chiếc áo phông, chiếc quần đùi ghi thu của Vàng A T không phát hiện thấy máu người.

Tại Bản kết luận giám định mô bệnh học và độc chất phủ tạng số 6526/C09-P4,TT1 ngày 04/12/2018, V2 Bộ C4 kết luận:

- Các tạng phân hủy mất cấu trúc tế bào. Nhu mô phổi không thấy hình ảnh tổn thương ngạt nước, xung huyết mạnh; mô cơ tim xung huyết.

- Trong mẫu phủ tạng và chất chứa trong dạ dày ghi thu của tử thi Hồ Thị T1 gửi giám định không tìm thấy các chất độc thường gặp.

Tại Bản kết luận giám định số: 6529/C09(P4) ngày 03/12/2018, V2 Bộ C4 kết luận:

- Mẫu chất ghi thu trong khí quản của Hồ Thị T1 gửi giám định gồm: các hạt khoáng vật dạng cát – bột với đường kính 0,21mm trở xuống (các hạt khoáng vật chủ yếu là thạch anh, thường có mặt trong thành phần của đất; bùn – cát sông, suối) và các tạp chất khác không xác định được tên.

Tại bản kết luận số 7118/C09 - P4 ngày 25/12/2019, V2 - Bộ C4 kết luận:

- Mẫu chất ghi thu trong khí quản của Hồ Thị T1 đã được kết luận giám định số 6529/C09(P4) ngày 03/12/2018 quá ít và lẫn tạp chất nên không đủ yếu tố giám định so sánh với mẫu đất, cát, nước thu tại vị trí nạn nhân Hồ Thị T1 ngã nằm úp ở khe suối ông K2 thuộc bản Huổi Lóng, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên.

- Mẫu gửi giám định bổ sung thu sau 01 năm 07 ngày so với thời điểm phát hiện Hồ Thị T1 chết và khám nghiệm tử thi (ngày 19/11/2018) với địa hình khe nước lấy mẫu giám định là khe nước thường xuyên có nước chảy, lòng khe nước đã qua một mùa mưa lũ thì thành phần đất cát, nước là có sự thay đổi.

Tại bản kết luận giám định số 34/GĐ - PC09 ngày 05 tháng 01 năm 2020, Phòng K3 Công an tỉnh Đ kết luận:

- Thương tích để lại trên tử thi Hồ Thị T1 được hình thành trước khi chết.
- Thương tích trên tử thi Hồ Thị T1 phù hợp việc Hồ Thị T1 bị rơi trượt, lộn va đập ở hiện trường để lại.

Tại bản kết luận giám định số 411/GĐ - PC09 ngày 01 tháng 5 năm 2020, Phòng K3 Công an tỉnh Đ kết luận:

- Không đủ cơ sở xác định được sự phù hợp của các dấu vết thương tích trên thân thể Vàng A T là do T bị ngã từ cây tre chống cây chuối xuống đất phía dưới có bụi tre đã phát như bản ảnh gửi giám định.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 47/2020/HS-ST ngày 19/8/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên căn cứ vào khoản 2 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm p khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt Vàng A T 08 (T5) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày 22/11/2018.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự; xử lý các vật chứng; quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/8/2020, người đại diện hợp pháp của bị hại là anh Vàng A P và ông Hồ A L kháng cáo toàn bộ bản án, cho rằng cơ quan điều tra đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; ngoài tội giết người, bị cáo còn phạm tội Hiếp dâm và tội xâm phạm thi thể; ông Vàng A C (bố bị cáo) phạm tội Che giấu tội phạm và đồng phạm tội xâm phạm thi thể, mồ mả, hài cốt; đồng thời yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại gây ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại, tăng hình phạt đối với bị cáo, xử phạt bị cáo mức án từ 10 đến 11 năm tù giam.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng cấp sơ thẩm đã xét xử đúng người, đúng tội, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội nên đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Vàng A P, ông Hồ A L cho rằng:

- Cơ quan điều tra công an tỉnh Đ không thực hiện đúng nghiêm vụ điều tra, sử dụng vào kết quả điều tra của Cơ quan điều tra công an huyện M, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng: Chưa thu thập đầy đủ tang vật của vụ án như chiếc quần lót; chiếc quần dài; găng tay; ủng; con dao đi rừng của nạn nhân; Công tác giám định chưa đáp ứng yêu cầu điều tra xác định sự thật. Cơ quan điều tra tỉnh Điện Biên sử dụng tài liệu giám định cũ làm cơ sở cho Kết luận

điều tra của mình; Vật phẩm là dịch thu được trong âm đạo có tinh dịch hay không, biểu bì tại móng tay cần phải gửi mẫu vật để giám định lại theo thẩm quyền bởi đây là chứng cứ quan trọng làm cơ sở định tội bị cáo; kết luận giám định sinh học về sợi tóc dính trên chiếc gậy cho rằng mẫu vật phẩm đã cũ không xác định được là không có sức thuyết phục. Việc cho rằng bị cáo không phạm tội Hiếp dâm là không có cơ sở chấp nhận. Nếu không có kết luận giám định khác thì chúng tôi không cho rằng đây là kết luận khách quan; Cơ quan điều tra chưa làm rõ lý do vì sao bị hại không có quần, trong tình trạng lõa thể, hai chân dang ra, xác trong tình trạng căng cứng, thì quần mất đi đâu? Lời khai gian dối, quanh co chối tội của Vàng A T lại được áp dụng triệt để để xây dựng hồ sơ. Việc thực nghiệm điều tra, hoạt động điều tra phụ thuộc hoàn toàn vào lời khai của bị cáo, bất chấp mâu thuẫn với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

- Việc không khởi tố T về tội xâm phạm thi thể, mồ mả, hài cốt là bỏ lọt tội phạm do bị cáo có hành vi đưa thi thể đi chỗ khác làm che giấu hành vi phạm tội của mình. Ông Vàng A C (bố bị cáo) phạm tội Che giấu tội phạm và đồng phạm tội xâm phạm thi thể, mồ mả, hài cốt khi cùng T đưa bị hại đi giấu xác, có lời khai gian dối, đánh lạc hướng tìm kiếm của gia đình người bị hại. Khoảng cách 300m mang vác xác người đi là rất nặng, không thể mang đi nếu không có sự giúp sức của người thứ hai.

- Bản án sơ thẩm không đề cập đến vi phạm tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, nhằm sai lệch hoàn toàn bản chất vụ án, dẫn đến bỏ lọt tội phạm. Nhận định sai nội dung, cho rằng bị cáo phạm tội Giết người với lỗi cố ý gián tiếp là không có cơ sở chấp nhận. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp: Bị cáo chỉ phạm tội ở khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự là sai bản chất vụ án. Có nhiều chứng cứ thể hiện hành vi cố ý giết hại chị T1 nhằm mục đích che giấu hành vi hiếp dâm quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự. Bị hại chết do ngạt cơ học theo kết luận giám định, việc ngã thác có gây ra ngạt cơ học không? Thác cao từ 9 – 12m, đáy thác là đá tảng, lớn nhón, vị trí nằm của T1 là trên hòn đá tảng to hơn người nạn nhân, mà xương cốt nguyên vẹn là mâu thuẫn, không phù hợp với thực tế, lời khai của bị cáo là gian dối. Tờ Thị T6 không bị chết do ngã thác mà bị giết, bản án sơ thẩm làm cho kết luận giám định bổ sung, tài liệu điều bổ sung đều trở lên vô nghĩa khi xác định T6 chết do ngã thác theo lời khai của bị cáo. Chúng ta chưa chứng minh được cơ chế nào sinh ra cái chết do ngạt cơ học của người bị hại.

- Xem xét dấu vết trên thân thể bị cáo, vết xước hai bên cánh tay, đầu gối, bàn chân không thể do ngã cây chuối mà là dấu hiệu vật lộn, cào cấu với bị hại. Chưa có kết luận giám định nào thể hiện khách quan cơ chế hình thành vết thương. Việc khai ra trèo cây chuối là sự lấp liếm vụng về mà được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là không thể chấp nhận được.

- Về trách nhiệm dân sự: Việc Tòa án cấp sơ thẩm tách ra để giải quyết trong vụ án khác là không đúng quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy án sơ thẩm, trả hồ sơ điều tra lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người làm chứng; phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra, biên bản khám nghiệm tử thi; các kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 16/11/2018, Vàng A T muốn quan hệ tình dục với chị Hồ Thị T1, nhưng chị T1 không đồng ý và bỏ chạy theo đường duy nhất dọc khe suối ra phía thác đá cao khoảng 9m, trơn trượt thuộc bản Huồi Lóng, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên. T đuổi theo quyết liệt nên chị T1 vừa chạy vừa la hét. Khi đang đuổi theo thì T nghe thấy tiếng rơi từ trên cao xuống, T đi đến đỉnh thác ngó xuống thấy chị T1 nằm úp mặt xuống và rên hai tiếng rồi thôi. Tỉnh không xuống kiểm tra mà bỏ đi. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T quay lại, thấy chị T1 vẫn nằm nguyên vị trí cũ, người đã chết cứng, lạnh. Để che giấu hành vi phạm tội, T công xác chị T1 xuống sông N giấu, dùng tóc chị T1 buộc vào cây sậy, lấy một cây sậy buộc vào thắt lưng của chị T1 rồi đi về. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Vàng A T về tội Giết người theo khoản 2 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại, HĐXX thấy:

[2] Về tố tụng: Người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị hại cho rằng Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ và Công an huyện M đã vi phạm Điều 15 Bộ luật Tố tụng hình sự; Chưa có kết luận về cơ chế hình thành lên 18 vết thương trên người bị cáo Vàng A T; Chưa thu thập được đầy đủ vật chứng của vụ án gồm: 01 chiếc quần lót, 01 chiếc quần dài, 01 chiếc găng tay, 01 chiếc ủng của bị hại Hồ Thị T1; Chưa điều tra xác định định T1 có mang theo dao không, nếu có thì ở đâu. HĐXX thấy rằng: Tại bản kết luận giám định số 411/GĐ - PC09 ngày 01 tháng 5 năm 2020, Phòng K3 Công an tỉnh Đ đã kết luận: Không đủ cơ sở xác định được sự phù hợp của các dấu vết thương tích trên thân thể Vàng A T là do T bị ngã từ cây tre chống cây chuối xuống đất phía dưới có bụi tre đã phát như bản ảnh gửi giám định. Còn về vật chứng của vụ án, do bị cáo đã giấu xác bị hại từ ngày 16/11/2018 đến khoảng 8 - 9 giờ sáng ngày 19/11/2018 mới phát hiện thi thể bị hại và nơi giấu xác có dòng nước chảy nên việc thi thể bị hại không còn đầy đủ quần áo là phù hợp với quá trình diễn biến cũng như điều kiện tự nhiên nơi xảy ra sự việc. Do đó, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại.

[3] Về kháng cáo cho rằng Vàng A T còn phạm tội “Hiếp dâm” theo Điều 141 Bộ luật Hình sự và tội “Xâm phạm thi thể” theo Điều 319 Bộ luật Hình sự. HĐXX thấy rằng: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Vàng A T đều

khai nhận do có ý định muốn quan hệ tình dục với bị hại nhưng bị hại không đồng ý và đã bỏ chạy, nên bị cáo đuổi theo dẫn đến hậu quả bị hại bị ngã từ trên cao xuống tử vong, phù hợp với kết luận giám định số 34/GĐ - PC09 ngày 05 tháng 01 năm 2020 của Phòng K3 Công an tỉnh Đ. Bị cáo thừa nhận cái chết của bị hại có một phần nguyên nhân là do bị cáo gây ra nhưng bị cáo không tiếp xúc với bị hại, chưa có hành vi giao cấu với bị hại. Tại Bản kết luận giám định số 6525 + 6639/C09(TT3) ngày 28/11/2018 của V2 Bộ C4 cũng thể hiện, trong mẫu ghi dịch âm đạo và dịch trong tử cung thu của chị Hồ Thị T1 không phát hiện thấy tinh trùng người, trên mẫu móng tay ghi thu của Hồ Thị T1 có tế bào của một người nữ giới nhưng không đủ cơ sở để kết luận là của ai, trên chiếc áo sơ mi màu xanh, chiếc quần màu đen, chiếc áo phông, chiếc quần đùi ghi thu của Vàng A T không phát hiện thấy máu người. Do đó không có đủ căn cứ, đủ cơ sở kết luận bị cáo T phạm tội “Hiếp dâm” như kháng cáo của đại diện bị hại. Sau khi phát hiện bị hại chết, bị cáo có hành vi công xác bị hại xuống sông, dùng tóc bị hại buộc vào cây sậy và lấy một cây sậy buộc vào thắt lưng của bị hại để giấu xác bị hại. Tuy nhiên, việc bị cáo di chuyển xác của người bị hại nhằm mục đích che giấu tội phạm, chứ không có hành vi xâm phạm thi thể nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm tội “Xâm phạm thi thể”. Do vậy, cấp sơ thẩm không truy tố, xét xử bị cáo về tội Xâm phạm thi thể là đúng pháp luật. Việc bị cáo công, giấu xác bị hại đã bị Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là phù hợp, đúng pháp luật.

[4] Về kháng cáo cho rằng ông Vàng A C là bố đẻ bị cáo có hành vi phạm tội “Che giấu tội phạm” theo Điều 389 Bộ luật Hình sự và đồng phạm với bị cáo T về tội “Xâm phạm thi thể” theo Điều 319 Bộ luật Hình sự. HĐXX thấy rằng: Với các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập và đại diện người bị hại xuất trình thì không có căn cứ chứng minh việc ông Vàng A C biết Vàng A T đã thực hiện hành vi phạm tội và có hành vi che giấu tội phạm. Còn về đồng phạm tội “Xâm phạm thi thể” thì như HĐXX đã phân tích ở trên, do bị cáo Vàng A T không phạm tội “Xâm phạm thi thể” nên không thể có đồng phạm. Do đó, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại.

[5] Xét kháng cáo của đại diện bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, HĐXX thấy rằng: Mặc dù bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú; tác động để gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình người bị hại; bị cáo có ông nội được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước Hạng Nhất là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tuy nhiên xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, làm 01 người chết, gây nên tổn thất đau thương không gì bù đắp được đối với gia đình nạn nhân và gây nghi ngờ, mất đoàn kết trong cộng đồng dân cư tại địa phương, gây hoang mang, lo lắng trong xã hội, hơn nữa bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “có hành động che giấu tội phạm” quy định tại điểm p khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự vì vậy cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Vàng A T

mức án 08 năm tù về tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 123 BLHS là chưa nghiêm, chưa tương xứng với tính chất mức độ đặc biệt nghiêm trọng của hành vi và hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo, chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm tại địa phương, chưa đủ mức giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung tội phạm. Vì vậy HĐXX sẽ chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại cũng như quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa về việc tăng hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về bồi thường dân sự: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, ngoài việc ghi nhận gia đình bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại 100.000.000 đồng tiền mai táng phí, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải thích rõ cho đại diện hợp pháp của bị hại về quyền yêu cầu bồi thường tiền tổn thất tinh thần, tiền cấp dưỡng nuôi các con của bị hại, chi phí đi tìm kiếm bị hại... nhưng tại phiên tòa sơ thẩm đại diện hợp pháp của bị hại chưa yêu cầu giải quyết phần bồi thường dân sự này nên cấp sơ thẩm không giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên cấp phúc thẩm cũng không thể xem xét và giải quyết trong vụ án này. Trường hợp đại diện hợp pháp của bị hại có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí sơ thẩm: Người đại diện hợp pháp bị hại kháng cáo cho rằng gia đình bị cáo có kinh tế khá giả nhưng tòa án cấp sơ thẩm quyết định miễn án phí cho bị cáo. HĐXX thấy rằng, bị cáo là người dân tộc thiểu số và sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn nên tòa án cấp sơ thẩm quyết định miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo là phù hợp với điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại.

[8] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại được chấp nhận một phần nên họ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Hồ A L và anh Vàng A P; Sửa bản án sơ thẩm số 47/2020/HS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên về phần hình phạt đối với bị cáo Vàng A T.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm p khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Vàng A T 11 (mười một) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày 22/11/2018.

2. Giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí sơ thẩm.

3. Về án phí: Người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Hồ A L và anh Vàng A P không phải chịu án phí phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam CA Điện Biên;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

(đã ký)

Phạm Văn Tuyên